TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 545/2022/KDTM-PT
Ngày: 06-9-2022
Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Bà Nguyễn Thu Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4438/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần TGN

Địa chỉ: Số 46-48 đường NCT, phường ALD, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981 và bà Phan Thị Ánh D, sinh năm 1997 (theo Giấy ủy quyền số 25/2021-UQ ngày 17/3/2021).

2. Bị đơn: Tổng Công ty Xây dựng TS

Địa chỉ: Số 457 đường NT, phường TXN, quận TX, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L, sinh năm 1975 và ông Bùi Hữu T, sinh năm 1971 (theo Giấy ủy quyền số 1532/TCT-UQ ngày 28/6/2022).

3. Người kháng cáo**:** Tổng Công ty Xây dựng TS

(Bà H, bà D, ông T có mặt; ông L có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

* Trong Đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/02/2019 và ngày 27/5/2019 giữa Công ty Cổ phần TGN (Sau đây gọi tắt là Công ty TGN) và Tổng Công ty Xây dựng TS – Chi nhánh phía Nam (Sau đây gọi tắt là Tổng Công ty TS) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 123/2019/HĐKT/TGN-TS và Hợp đồng kinh tế số 451/2019/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm và mua bán ống cống BTCT phục vụ thi công công trình.

Từ khi giao kết hợp đồng, Công ty TGN đã cấp bê tông thương phẩm, ống cống BTCT cho Tổng Công ty TS và xuất các hóa đơn GTGT cho Tổng Công ty TS làm cơ sở thanh toán, với tổng số tiền tính theo đơn giá trên hợp đồng là: 5.990.733.000 đồng (trong đó: Tiền cung cấp bê tông là: 1.247.841.000 đồng; Tiền cung cấp ống BTCT là: 4.742.892.000 đồng).

Tính đến ngày khởi kiện 03/11/2020 Tổng Công ty TS đã thanh toán cho Công ty TGN với tổng số tiến là: 4.990.733.000 đồng (trong đó thanh toán tiền cung cấp bê tông là 1.235.000.000 đồng; thanh toán tiền cung cấp ống BTCT là 3.755.733.000 đồng). Số tiền còn lại mà Tổng Công ty TS chưa thanh toán cho Công ty TGN là 1.000.000.000 đồng (trong đó tiền cung cấp bê tông là 12.841.000 đồng; tiền cung cấp ống BTCT là 987.159.000 đồng).

Tuy nhiên, tính đến hết ngày 05/3/2022, Tổng Công ty TS chỉ mới thanh toán cho Công ty TGN số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 09/02/2021 thanh toán 50.000.000 đồng (Trong đó: Thanh toán 12.841.000 đồng hạng mục bê tông và thanh toán 37.159.000 đồng hạng mục cống BTCT);

- Ngày 25/5/2021 thanh toán 450.000.000 đồng cho hạng mục cống BTCT;

- Ngày 04/8/2021 thanh toán 100.000.000 đồng cho hạng mục cống BTCT;

- Ngày 14/12/2021 thanh toán 50.000.000 đồng cho hạng mục cống BTCT;

- Ngày 27/01/2022 thanh toán 50.000.000 đồng cho hạng mục cống BTCT.

- Còn lại nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Công ty TGN yêu cầu Tổng Công ty TS có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TGN số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính theo lãi suất 1,225%/tháng tạm tính đến ngày 02/6/2022 là 279.333.298 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi là 579.333.298 đồng. Lãi trả chậm thanh toán sẽ tiếp tục tính cho đến khi Tổng Công ty TS thanh toán xong công nợ.

* Tại Bản tự khai ngày 20/5/2021, ông Bùi Hữu T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 2019, Chi nhánh Phía Nam - Tổng Công ty Xây dựng TS đã ký kết với Công ty TGN 02 hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm và ống cống BTCT phục vụ thi công Dự án Vinhomes Grand Park (VHGP), với tổng số tiền

là 5.990.733.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo các điều khoản của hợp đồng, tính đến ngày 20/5/2021 Tổng Công ty TS đã trả cho Công ty TGN 5.040.733.000 đồng; số còn lại chưa/chậm thanh toán 950.000.000 đồng, vì lý do:

- Trong thời gian từ tháng 9/2020 đến 12/2020, chủ đầu tư chưa nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành cho Tổng Công ty TS. Nguyên nhân do thiếu Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu đầu vào BTXM - Công ty TGN cung cấp, dẫn đến việc nghiệm thu thanh toán bị chậm ở hầu hết các dự án, làm đọng vốn lớn, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, có một phần thuộc trách nhiệm của Công ty TGN (Chất lượng BTXM có thời điểm không đạt, dẫn đến kết quả nén mẫu bê tông không đạt cường độ, bị chủ đầu tư lập biên bản phạt 15.000.000 đồng).

- Sau các lần làm việc và trao đổi giữa hai bên, đến nay việc bổ sung các chứng chỉ thí nghiệm còn thiếu, nén mẫu BTXM lưu tại công trường đã được các bên phối hợp giải quyết xong; hồ sơ nghiệm thu thanh toán đã nộp chủ đầu tư và đang được xem xét, thẩm định phê duyệt.

Do đó bị đơn cam kết sau khi tiền thanh toán của chủ đầu tư về, Tổng Công ty TS sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty TGN, chậm nhất đến 30/6/2021 trả xong. Đồng thời đề nghị nguyên đơn thông cảm, chia sẻ khó khăn với bị đơn và rút lại một phần yêu cầu về trả lãi chậm thanh toán, tạo cơ hội để hai doanh nghiệp tiếp tục hợp tác kinh doanh trong thời gian tới.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/KDTM-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Tổng Công ty Xây dựng TS phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần TGN số tiền nợ tính đến ngày 02/6/2022 là 579.333.298 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 279.333.298 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 03/6/2022, Tổng Công ty Xây dựng TS còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty Cổ phần TGN theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 24/6/2022, bị đơn Tổng Công ty Xây dựng TS đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể là không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không hoãn phiên tòa mặc dù bị đơn có lý do chính đáng; Về nội dung: Bản án sơ thẩm không xem xét đến mối quan

hệ giữa ba bên chủ đầu tư – nhà thầu thi công – nhà cung cấp vật liệu và các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn đã cung cấp để chứng minh bên bán đã bán sản phẩm, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với hợp đồng để xác định đúng nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa hai bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về kháng cáo của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm do kháng cáo của bị đơn không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm với lý do: Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cụ thể không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không hoãn phiên tòa mặc dù bị đơn có lý do chính đáng; Về nội dung: Bản án sơ thẩm không xem xét đến mối quan hệ giữa ba bên chủ đầu tư – nhà thầu thi công – nhà cung cấp vật liệu và các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn đã cung cấp để chứng minh bên bán đã bán sản phẩm, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với hợp đồng để xác định đúng nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa hai bên. Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo:

[1.2.1] Về thủ tục tố tụng:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 05/5/2021, 20/5/2021 và 30/11/2021 đúng quy định tại các Điều 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 11/5/2022, phía bị đơn có nộp bản giải trình có yêu cầu phản tố, yêu cầu giảm trừ số tiền 30.000.000 đồng là tiền chủ đầu tư phạt do chất lượng bê tông không đạt yêu cầu. Theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng

dân sự thì "Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải". Tuy nhiên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/5/2021 nên yêu cầu phản tố của bị đơn được đưa ra sau thời điểm mở phiên họp nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11/5/2022 nhưng hoãn phiên tòa do nguyên đơn vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm mở tiếp phiên tòa lúc 08 giờ 30 phút ngày 02/6/2022, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến 15 giờ 00 ngày 02/6/2022 bị đơn mới có đơn xin hoãn phiên tòa do có cuộc họp đột xuất là không phù hợp.

[1.2.2] Về nội dung:

- Về tiền hàng còn nợ:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 123/2019/HĐKT/TGN-TS ngày 23/02/2019, Hợp đồng kinh tế số 451/2019/HĐKT/TGN ngày 27/5/2019, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản xác nhận công nợ, chứng từ giao dịch, giấy báo có của ngân hàng, có cơ sở xác định giữa Công ty TGN và Tổng Công ty TS có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa bê tông thương phẩm và ống cống BTCT phục vụ thi công công trình với tổng số tiền là 5.990.733.000 đồng (trong đó thanh toán tiền cung cấp bê tông là 1.235.000.000 đồng; thanh toán tiền cung cấp ống BTCT là 3.755.733.000 đồng).

Tuy nhiên tính đến ngày 02/6/2022 bị đơn chỉ mới thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 5.690.733.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng rồi ngưng không thanh toán.

Căn cứ theo thỏa thuận tại khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 123/2019/HĐKT/TGN-TS ngày 23/02/2019 và thỏa thuận tại khoản 2.3, 2.4 Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 451/2019/HĐKT/TGN ngày 27/5/2019 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn nợ 300.000.000 đồng là có cơ sở.

- Về tiền lãi chậm thanh toán:

Bị đơn kháng cáo việc bị đơn tạm dừng thanh toán là có cơ sở do nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ chứng chỉ thí nghiệm vật liệu đầu vào BTXM, bê tông không đạt chất lượng nên bị đơn bị chủ đầu tư phạt 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn xác nhận công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán cho bị đơn, ngoài ra tại Hợp đồng kinh tế số 123/2019/HĐKT/TGN-TS ngày 23/02/2019 và Hợp đồng kinh tế số 451/2019/HĐKT/TGN ngày 27/5/2019 giữa Công ty TGN và Tổng Công ty TS

không thỏa thuận về việc tạm ngưng thanh toán tiền mua hàng trong những trường hợp nêu trên. Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật Thương mại trong trường hợp chất lượng hàng hóa không phù hợp với hợp đồng bên mua được quyền từ chối nhận hàng. Tuy nhiên trên thực tế bên mua đã nhận hàng và bên bán đã xuất hóa đơn thuế GTGT cho bên mua, phía bị đơn không cung cấp được biên bản làm việc giữa bên mua và bên bán thể hiện bên bán giao hàng không đúng chất lượng, không cung cấp được chứng cứ chứng minh chất lượng hàng hóa không phù hợp với hợp đồng là do lỗi của nguyên đơn. Do đó lý do của bị đơn đưa ra không thuộc trường hợp được tạm ngừng thanh toán theo quy định tại Điều 51 Luật Thương mại. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại là có cơ sở, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng trên thị trường để chấp nhận mức lãi suất 14,7%/năm (tương đương 1,225%/tháng) theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại từ đó buộc Tổng Công ty TS phải trả cho Công ty TGN tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 02/6/2022 là 279.333.298 đồng (Theo Bảng tính lãi trả chậm thanh toán ngày 02/6/2022) là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Tổng Công ty Xây dựng TS phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Xây dựng TS.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Tổng Công ty Xây dựng TS phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần TGN số tiền nợ tính đến ngày 02/6/2022 là 579.333.298 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 279.333.298 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 03/6/2022, Tổng Công ty Xây dựng TS còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty Cổ phần TGN theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 27.173.332 đồng Tổng Công ty Xây dựng TS phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty Cổ phần TGN là 23.738.340 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0027741 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Tổng Công ty Xây dựng TS phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0048766 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty Xây dựng TS đã nộp đủ.

3. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.GV;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hường